

Bản án số: 52/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 5 - 2026;
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Lễ Nghi;

Ông Đinh Vũ Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Võ Quốc Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Võ Quốc Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị V, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp X, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Thạch D, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp X, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Thạch Thị V là nguyên đơn vắng mặt và có lời khai như sau: Chị và anh Thạch D chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C1, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long) vào năm 2018. Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Thạch H, sinh ngày 19/10/2015 và Thạch H1, sinh ngày 05/7/2020, hiện 02 con chung do chị đang nuôi dưỡng. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến yêu cầu ly hôn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống,

tính tình không hợp nhau, vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc. Chị và anh Thạch D đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay.

Nay, xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh Thạch D, không có khả năng hàn gắn tình cảm nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Thạch D.

Về con chung: Chị V yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Thạch H, sinh ngày 19/10/2015 và Thạch H1, sinh ngày 05/7/2020. Chị không yêu cầu anh Thạch D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Thạch D không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Thạch D là bị đơn vắng mặt và có lời khai như sau: Anh và chị Thạch Thị V chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh (nay là xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long). Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Thạch H, sinh ngày 19/10/2015 và Thạch H1, sinh ngày 05/7/2020, hiện hai con chung do chị Thạch Thị V đang nuôi dưỡng. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến yêu cầu ly hôn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc. Anh và chị Thạch Thị V đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Nay anh D có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh D đồng ý ly hôn với chị Thạch Thị V.

Về con chung: Anh D thống nhất giao 02 con chung tên Thạch H, sinh ngày 19/10/2015 và Thạch H1, sinh ngày 05/7/2020 cho chị Thạch Thị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị Thạch Thị V không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng

thì nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên bố: Cho chị Thạch Thị V được ly hôn với anh Thạch D. Về con chung: Giao chị Thạch Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thạch H, sinh ngày 19/10/2015 và cháu Thạch H1, sinh ngày 05/7/2020, phù hợp với nguyện vọng của cháu Thạch H. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thạch Thị V không yêu cầu anh Thạch D cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết. Về chia tài sản: Chị Thạch Thị V và anh Thạch D thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị Thạch Thị V và anh Thạch D khai không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc chị Thạch Thị V phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Thạch Thị V. Lờ trình bày của các đương sự cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Bị đơn trong vụ án là anh Thạch D có hộ khẩu thường trú tại Ấp X, xã C, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Thạch Thị V là nguyên đơn và anh Thạch D là bị đơn trong vụ án vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa

đổi bổ sung năm 2025, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Thạch Thị V và anh Thạch D là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Thạch Thị V và anh Thạch D đều khai nhận anh và chị chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2018 là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[4] Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc yêu cầu ly hôn là do chị Thạch Thị V và anh Thạch D không hợp nhau, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau và cũng không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Chị Thạch Thị V yêu cầu được ly hôn với anh Thạch D; đồng thời anh D cũng thống nhất ly hôn với chị V. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì biết được giữa chị V và anh D có xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã ly thân nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cũng đã tạo điều kiện hòa giải động viên cho chị V và anh D đoàn tụ lại với nhau và cùng nhau chung sống để xây dựng hôn nhân hạnh phúc. Tuy nhiên, anh D không đến Tòa hòa giải nhưng anh D cũng có ý kiến thống nhất ly hôn với chị V. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị V và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân cũng không có ý nghĩa. Căn cứ vào Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V là phù hợp, không trái pháp luật.

[5] Về con chung: Chị Thạch Thị V và anh Thạch D thống nhất giao 02 con tên Thạch H, sinh ngày 19/10/2015 và Thạch H1, sinh ngày 05/7/2020 cho chị Thạch Thị V trực tiếp nuôi dưỡng; cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Thạch H nên ghi nhận sự thỏa thuận này. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thạch Thị V không yêu cầu anh Thạch D cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về chia tài sản: Chị Thạch Thị V và anh Thạch D thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị Thạch Thị V và anh Thạch D khai không có nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Buộc chị Thạch Thị V phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Thạch Thị V.

Về hôn nhân: Cho chị Thạch Thị V được ly hôn với anh Thạch D.

Về con chung: Giao hai con chung tên Thạch H, sinh ngày 19/10/2015 và Thạch H1, sinh ngày 05/7/2020 cho chị Thạch Thị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thạch Thị V không yêu cầu anh Thạch D cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Về chia tài sản chung: Chị Thạch Thị V và anh Thạch D thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Thạch Thị V và anh Thạch D khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Thạch Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001238 ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 12 - Vĩnh Long; chị V đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Thạch Thị V và anh Thạch D được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 12 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Ai